

Kinh Nguyệt Minh Bồ Tát - Số 169

Nhà Ngô (222-280) đời Tam Quốc, cư sĩ Chi Khiêm dịch từ chữ Phạm ra chữ Hán .

Ngày 25/04/2011 B.S. Trần Văn Nghĩa dịch từ chữ Hán ra chữ Việt.

Kinh Nguyệt Minh Bồ Tát

Đức Phật giảng một quyển Nguyệt Minh Bồ Tát kinh.

Đời Nam Ngô , cư sĩ Chi Khiêm (1) của Nước Nguyệt Chi dịch ra Hán Văn.

Tôi nghe như vậy : Có một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ Xa Quát (2) gần thành phố La Duyệt Kỳ(3) cùng với một ngàn hai trăm năm mươi người đại tỳ kheo , hàng vạn bồ tát. Lúc đó ở thành phố La Duyệt Kỳ có một nhà đại phú hào, tên là Thân Nhật. Thân Nhật có người con, tên là Chiên La Pháp (Hán văn nghĩa là Nguyệt Minh), có tính thích sạch sẽ, Đức Phật biết cậu bé gọi là Nguyệt Minh này. Cậu bé đến nơi Đức Phật cư ngụ, đến trước Đức Phật để chào ngài, sau đó đi qua một bên và ngồi đó . Đức Phật bảo : Nguyệt Minh, các Bồ Tát Ma-ha-tát, các người tu tại gia, các tỳ kheo hãy giữ giới luật bố thí Phật pháp, giới luật bố thí thực phẩm, phải lấy lòng đầy thiện ý để đón tiếp tất cả mọi người, phải giữ tứ thực nguyện , phải phát nguyện cầu Phật, để mau đắc vô thượng chánh đạo.

Cái gì là bốn nguyện ? Nguyện thứ nhất, nguyện cho tất cả những người đau ốm gặp được những phương tiện điều trị hay; Nguyện thứ hai, xin đời đời được gặp những người đầy trí tuệ; Nguyện thứ ba nguyện đem tài vật của mình chia xẻ với mọi người ; Nguyện thứ tư , nguyện làm hai chuyện: làm pháp thí và âm thực thí. Hãy luôn luôn đầy vui vẻ để làm những điều này. Đó là bốn nguyện.

Sau đó, cậu bé Nguyệt Minh, các bồ tát đại sĩ, các người tu tại gia và xuất gia, phải luôn luôn bố thí kinh sách, luôn làm pháp thí, hãy lấy những gì tốt đẹp nhất để đón tiếp mọi người, không một lòng tham. Hãy giữ ngay ngắn trong đạo pháp, nghiêm chỉnh giữ những giới luật. Lại còn một điều nữa, cậu bé Nguyệt Minh ! Nếu có những tỳ - kheo đau ốm, nghèo khó , đau khổ, lo âu, hãy an ủi họ hãy cung cấp thuốc men cho họ, không phải chỉ là thuốc men mà thôi, mà còn cả thân thể của mình nữa. Hãy giúp đỡ cho đến khi họ lành bệnh. Lại còn một điều nữa, cậu bé Nguyệt Minh, các bồ tát đại-sĩ , bố thí xong đừng có sinh nghi ngờ. Vì sao vậy ?

Trong vô số, vô số không thể kể xiết kiếp trước, vô cùng tận xa xôi. Lúc đó có một vị Phật, tên là Đế Niệm Nguyện Vô Thượng Vương Như Lai , ngài vô sở trước (4), ngài có các đẳng chánh giác(5) , thọ thân (6) của ngài đã xuống thế gian này, để trở thành những đấng vô thượng tôn kính. Lại còn nữa, cậu bé Nguyệt Minh ! Lúc đó, Đế Niệm Nguyện Vô Thượng Vương Như Lai , với chí chân (7), với các đẳng chánh giác, ngày đó ngài đã hiện các đẳng chánh giác tướng , đã biến thành vô số thân hình, tùy theo sự thích hợp của mỗi người mà hiện ra để dẫn độ họ. Nhờ vậy vô số người đã đắc Tu-đà-hoàn đạo (8), vô số người đã đắc Tu-đà-hàm đạo (9) , vô số người đã đắc na hàm đạo (10), vô số người đã đắc A-la-hán đạo (11) , vô số người đã đắc Bích Chi Phật đạo (12) , vô số người đã được sanh vào cõi trời Tứ thiên Vương (13), vô số người đã được sanh vào cõi trời Đạo Lợi Thiên(14) , vô số người đã được sanh vào cõi trời Diêm Thiên

(15), vô số người đã được sanh vào cõi trời đâu thuật thiên (16) , vô số người đã được sanh vào cõi trời Ni Ma La Thiên (17) , vô số người đã được sanh vào cõi trời Ma Thiên (18) , vô số người đã được sanh vào Phạm Thiên (19) , vô số người đã đắc vô thượng chánh chân đạo ý . Tất cả mọi người đều được đi vào nê hoàn (20) đại đạo . Lúc đó Đế Niệm Nguyện Vô Thượng Vương Như Lai , ngài vô sở trước , ngài có các đẳng chánh giác , đã chỉ dạy chúng sinh chỉ một ngày hiện ra, đã độ hết mọi người, bèn nhập nê Hoàn, sau khi nhập nê hoàn, Ngài để lại Phật pháp đến hai mươi ức ngàn năm về sau. khi chỉ còn năm mươi năm chót của những năm đó, thì các tỳ kheo phần đông không còn tin nhiều vào những kinh điển, chỉ thích những sự hời hợt, kinh pháp cũng từ từ tàn lụi.

Lúc đó, có vua của Nước Diêm Phù Lợi (Jambudvipa) , tên là Trí Lực, thường tu trì tam sự của Phật .

Tam sự là gì ? Thứ nhất, luôn bảo vệ Phật pháp uyên thâm, thứ nhì, luôn tu hành theo Phật pháp uyên thâm, thứ ba, luôn thành tín vào Phật pháp uyên thâm. Lúc đó, có một Tỳ-kheo tên là Phù Đàm Mạt (Hán văn có nghĩa là Chí Thành Ý) , luôn luôn giữ tam sự này. Tam sự là gì? Thứ nhất, luôn tu trì tam muội (21), thứ nhì, luôn bảo vệ tam muội , thứ ba, luôn tụng niệm tam muội ; lại thêm tám sự : Luôn hành từ thiện tâm, luôn hành thương xót tâm, luôn hành từ bi tâm, luôn hành bảo hộ tâm, luôn hành trí tuệ tâm, luôn hành vấn đáp tâm, luôn hành hoan hỷ tâm, luôn hành đệ nhất tâm . Đó là đủ chín mươi sáu loại đạo, nên xem xét nhận biết từng điều thâm pháp này để đừng sinh nghi. Chí Thành Ý Tỳ-kheo và Vua Trí Lực có họ hàng với nhau, Vua rất trọng Chí Thành ý Tỳ-kheo. Quốc dân cũng rất kính mến chí thành ý tỳ kheo . Vua luôn thích gặp Chí Thành Ý tỳ kheo, không bao giờ chán ngán. Vua thường thích nghe tỳ-Kheo thuyết pháp, không bao giờ chán ngán. Vua rất trọng đãi tỳ-kheo, không bao giờ cảm thấy là đủ .

Lúc đó, Tỳ-Kheo có một bứu độc ở đùi, trong nước không có thuốc men gì chữa được, . Vua rất là buồn rầu, vì vậy mà khóc . Lúc đó Nhị Vạn phu nhân cũng lo buồn về bệnh tình của Tỳ Kheo. Vua trong một giấc ngủ, nằm mơ thấy có một thiên nhân đến nói với vua rằng : " Muốn chữa khỏi bệnh của chí thành ý Tỳ-kheo, người bệnh phải ăn thịt của một người còn sống, thì sẽ khỏi bệnh. " Vua tỉnh . sợ và không vui . Vua nghĩ : Nay Tỳ-Kheo bệnh nặng, cần thứ thuốc này. thật khó tìm được . Vua vẫn kể các hạ thần : " Ở đâu tìm được thịt của người sống ? " Lúc đó , người con trưởng của vua, hoàng thái tử tên là Nhã La Vệ (Hán văn nghĩa là Trí Chỉ). Trí Chỉ thưa với vua rằng : " xin Vua đừng bi thương, đừng sầu muộn, đừng lo âu, thịt người không có gì là đáng quý , ở đời này , đáng quý là làm phải đạo. " Vua trả lời thái tử rằng " Hay thay ! Hay thay! " Thái tử lặng lẽ đi về phòng của mình, lấy dao thêu thịt đùi, lấy thịt và máu đưa biểu Tỳ - Kheo . Tỳ-Kheo phục dùng , bứu tức thì khỏi ngay, thân thể được an khang . Vua được biết bệnh của Tỳ Kheo đã lành, vui mừng vô cùng, vì biết Tỳ- Kheo đã thoát cơn bệnh trầm kha, mà quên cả cái đau của thái tử, tất cả hoan hỉ từ đáy lòng của mỗi người. Thái tử cũng từ từ bình phục. Vua bèn lấy nhiều tài bảo của quốc gia ban tặng cho thái tử. Thái tử bèn lấy một câu kệ để đáp lại vua rằng : " Lấy thịt và máu của mình để an ủi, bố thí cho người khác, cắt thịt mình để bố thí cho kẻ khác, để cho họ được lành bệnh, để cho họ khỏi lo sợ, đó cũng là một cách để cung dường và tôn vinh chư Phật. đó là cái đức của tất cả cái đức, trong tương lai sẽ được thành Phật đạo. Hãy đoạn tuyệt với tham lam, dâm dục và sân si, tất cả hãy bỏ những thói xấu này đi."

Đức Phật bảo cậu bé Nguyệt Minh rằng : " Ngày đó, Chí Thành Ý Tỳ Kheo nay là Đức Phật Đề Hòa Kiệt La (22); Ngày đó, Vua Trí Lực , nay là Di Lặc Bồ-tát (Maitreya Bodhisattva) ; Ngày đó Trí Chỉ Thái-Tử, nay chính là ta. Như Lai, ngài vô sở trước , ngài có vô số đẳng chánh giác để giúp ích thế gian này, ngài tích lũy những công đức để độ tất cả chúng sinh, các Bồ-tát đại-sĩ cũng như vậy. Nay những thiện nam, thiện nữ nếu muốn độ những kẻ đau khổ của thế gian

này, hãy phát vô thượng chánh chân đạo nguyên, niệm và học tập các tam muội này. Sau khi Đức Phật giảng hết kinh này, tất cả đều hoan hỷ, đảnh lễ ngài và ra về.

Đức Phật giảng về Kinh Nguyệt Minh Bồ Tát.

1-) cư sĩ Chi Khiêm 居士支謙 : Còn gọi là Chi Việt 支越, tự Cung Minh 恭明, người nước Nguyệt Chi 月支, một nước nhỏ ở vùng tây bắc Trung Quốc. Vào thời Hán Linh Đế 漢灵帝 (168-189), ông nội của cư sĩ đã bỏ nước Nguyệt Chi về làm việc cho nhà Hán. Cư sĩ Chi Khiêm tinh thông ngôn ngữ sau nước của vùng tây bắc Trung Quốc. Ông làm việc cho Nhà Ngô 吳国 (222-280) đời Tam Quốc 三国, được vua Tôn Quyền 孫权 phong làm bác sĩ. Sau về ở ẩn ở Cùg Long Sơn 窮龙山, mất năm 60 tuổi. Là dịch giả của nhiều cuốn kinh nay còn 29 cuốn trong Hán Tạng.

2-) Kì Xa Quát 耆闍崛 đây là tiếng phiên âm của chữ Phạn Grdhrakut hay Griddhkuta, grdhra có nghĩa là con ó, vì đỉnh núi có hình như đầu của một con ó, vì vậy Hán văn dịch nghĩa là thú 鸞 một loại ó, Griddhkuta dịch nghĩa ra Hán văn là Linh Thú Sơn 灵鹫山, tiếng Anh dịch là Vulture Peak. Núi này ở phía đông của thành phố Rajgir, tên Hán văn là Vương Xá Thành. Núi này có bốn cái hang động lớn. Đức Phật thường thuyết pháp ở trên núi và những động này. Đức Phật đã chuyển

pháp luân lần thứ hai khi Ngài giảng về Diệu Pháp Liên Hoa Kinh trên núi này. Bát Nhã Ba La Mật Tâm Kinh, Nguyệt Minh Bồ Tát kinh và nhiều kinh khác cũng được giảng ở nơi này.

3-) La Duyệt Kì 羅閱祇 đây là tiếng phiên âm của chữ Phạn Rajagrha, một thành phố ở vùng đông bắc Ấn Độ, nay gọi là thành phố Rajgir. Rajarha trong tiếng Phạn có nghĩa là " nhà của vua ", vì vậy trong Hán văn đã dịch nghĩa là " Vương Xá Thành " 王舍城 trong nhiều kinh điển. Thành phố này là thủ đô của hoàng triều Magadha, hoàng triều này sau nay trở thành đế quốc Mauryan với vị vua nổi tiếng trong lịch sử Phật giáo là Á Dục Vương Ashoka. Rajgir là một trong tám thánh địa của đạo Phật. Ngoài thành có Trúc Lâm tinh xá 竹林精舍 tiếng Anh là Bamboo Grove, tiếng Phạn là Kalandaka Venuvana, đây là trụ sở đầu tiên của Đức Phật do trưởng giả Gia Lan Đà 迦兰陀 Kalandaka tặng ngai. Ở phía đông của thành Rajgir có Linh Thứu Sơn 灵鹫山 Griddhkuta. Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, các đệ tử của Ngài tổ chức Pháp Hội lần thứ nhất tại thành phố này.

4-) Vô sở trước 無所著, trước có nghĩa là mang vào, mặc vào như mặc áo, vì vậy ái dục còn gọi là ái trước 愛著, ngã chấp còn gọi là chấp trước 執著, tham dục còn gọi là tham trước 貪著.... Vô sở trước nghĩa là không còn mang theo những tính xấu của trần thế.

5-) đẳng chánh giác 等正覺 : Hay Chánh đẳng chánh giác . thường còn gọi là " vô thượng chánh đẳng chánh giác " đây là dịch nghĩa của câu tiếng Phạn : " anuttara-samyak-sambodhi " , câu này được phiên âm ra Hán văn là " A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm "

阿耨多羅三藐三菩提心. Nghĩa của câu là : Một giác ngộ siêu việt, hoàn bị, Chí cao vô thượng. Giác ngộ này chỉ có Đức Phật đạt được.

6-) Thọ thân 受身 : Theo Đạo Phật Đại Thừa thì chư Phật có ba thân : : Pháp thân, ứng thân và báo thân. 1-) Pháp thân 法身, còn gọi là tự tánh thân 自性身, tiếng Phạn là dharmakaya : Theo Đạo Phật Nguyên Thủy thì gồm tất cả những gì Đức Phật dạy. Theo Phật Giáo Đại Thừa thì gồm tất cả những gì Đức Phật dạy, và Phật tính, tính Không, Niết Bàn. 2-) Ứng thân 應身, hay biến hóa thân 變化身, hay hóa thân 化身, tiếng Phạn là nirmanakaya, là thân thể bằng xương bằng thịt của Đức Phật. Ngài đã nhập Niết Bàn, nay chỉ còn một số xá lợi của ứng thân của ngài còn lại mà thôi. 3-) Báo thân 報身 hay thọ dụng thân 受用身, hay thọ thân, tiếng Phạn là sambhogakaya, : Đó là cái sắc thân đầy công đức của Đức Phật, nay ngự tại cõi Sắc Cứu Cánh thiên của sắc giới, tiếp tục soi sáng thập địa và các cõi tịnh thổ, thuyết pháp cho chư bồ tát. Người ở dục giới không thấy được.

7-) Chí chân 至真 : tối thật, Không một điều giả dối, giả tạo.

8-) Tu-đà-hoàn đạo 須陀洹道, hay Tu-đà-hoàn quả là chữ phiên âm của chữ Phạn. srota-apauna. Tu theo đạo Phật Nguyên Thủy có bốn cấp gọi là tứ quả. Tu-đà hoàn quả là cấp đầu tiên, vì vậy trong Hán văn còn dịch nghĩa là sơ-quả 初果. Srota trong tiếng Phạn có nghĩa là dòng sông, apauma trong tiếng Phạn có nghĩa là đi vào. Hai chữ ghép lại có nghĩa đi vào dòng sông, đi vào hàng ngũ của các thánh nhân để đi vào Niết Bàn, vì vậy trong Hán văn còn dịch nghĩa là nhập-lưu 入流 có nghĩa là đi vào dòng sông, chí lưu 至流 đi đến dòng sông, nghịch lưu 逆流 đi ngược dòng sông có nghĩa là đi ngược dòng sinh tử để vào Niết bàn, dự lưu 預流 có nghĩa dự bị đi vào dòng sông,. câu cảng 溝港 có nghĩa cửa khẩu của dòng sông. Tất cả những chữ dịch nghĩa này đã dùng trong những kinh điển khác nhau để chỉ srota-apauna .

9-) Tư đà hàm đạo 斯陀含道, hay tư đà hàm quả, là chữ phiên âm của chữ Phạn Sakrdagami. Tu theo Đạo Phật Nguyên Thủy có bốn cấp gọi là tứ quả. Tư đà hàm quả là cấp thứ hai. Hán văn còn dịch nghĩa là nhất lai quả 一來果, hay nhất hoàn quả 一还果 có nghĩa người tu đắc đạo quả vị này chỉ cần đầu thai làm người một lần nữa thì sẽ được vào sắc giới hay vô sắc giới.

10-) A-na-hàm đạo quả 阿那含道, hay a-na-hàm quả, là chữ phiên âm của chữ Phạn Anagamin. Tu theo Đạo Phật Nguyên Thủy có bốn cấp gọi là tứ quả. A-na-hàm quả là cấp thứ ba. Hán văn còn dịch nghĩa là bất lai quả 不來果 hay bất hoàn quả 不還果, có nghĩa người tu đắc đạo quả vị này không còn trở lại dục giới nữa, mà sẽ tái sinh vào sắc giới hay vô sắc giới.

11-) A-la-hán đạo 阿羅漢道, hay A-la-hán quả, là chữ phiên âm của chữ Phạn arhat, tiếng Pali là arahant, Tu theo Đạo Phật Nguyên Thủy có bốn cấp gọi là tứ quả. A-la-hán quả là cấp thứ tư. Người đắc quả vị này sẽ đi vào Niết Bàn, không còn bị luân hồi nữa.

12-) Bích Chi Phật đạo 辟支佛道 : tiếng Phạn là pratyekabuddha. Bích chi là chữ phiên âm của tiếng Phạn pratyeka, có nghĩa là cho mình, tìm sự giác ngộ cho mình mà thôi, vì vậy trong Hán văn còn dịch là duyên giác 緣覺, nghĩa là sự giác ngộ hoàn toàn tự mình, không dựa vào sự giảng dạy của ai cả. Độc giác 獨覺 đó là những người giác ngộ khi không có chư Phật.

13) Tứ Vương thiên 四王天 : tiếng Phạn là catur-maharaja-kayikas. Đó là cõi trời của Tứ Đại Thiên Vương, cõi trời thứ 6 của 11 cõi trời của dục giới. Tứ Đại Thiên Vương còn gọi là tứ đại hộ pháp thiên vương hay tứ đại kim cương 四大金剛. Bốn vị hộ pháp thiên vương này ở bốn hướng , giữa lưng núi Tu Di 須彌山, tiếng Phạn là Sumeru . 1-) Đa Văn Thiên Vương 多聞天王. tên tiếng Phạn là Vaisravana. Ngài trấn thủ ở phía bắc trên Đồi Hoàng Kim Thù 黃金埵 của núi Tu Di. 2-) Trì quốc thiên vương 持國天王, tên tiếng Phạn là Dhritarastra. Ngài trấn thủ ở phía đông, trên đồi Bạch Ngân Thù 白銀埵 của núi Tu Di. 3-) Tăng trưởng Thiên Vương 增長天王 tên tiếng Phạn là Vidradhaka . Ngài trấn thủ ở phía nam, trên đồi Lưu Ly Thù 琉璃埵 của núi Tu Di. 4-) Quảng mục Thiên Vương 廣目天王 tên tiếng Phạn là Virapaksa. Ngài trấn thủ ở phía tây, trên đồi Thủy Tinh Thù 水晶埵 của núi Tu Di.

14-) Đạo Lợi Thiên 忉利天 : tiếng Phạn là Trayast rimsa chữ này trong tiếng Phạn nghĩa là 33 tầng trời trong vũ trụ quan của đạo Phật. Nhưng thường dùng để chỉ cõi trời thứ 7 của 11 cõi trời của dục giới. Cõi trời này ở trên đỉnh của núi Tu Di, ở giữa đỉnh núi là thành Hỷ Kiến 城喜見, tiếng Phạn là Sudarsana, nơi Đế Thích Thiên chủ Sakra devanam Indrah ngự trú. Quanh thành Hỷ Kiến có 32 vùng trời, người sống ở trong những cõi trời này thọ tương đương với 36 triệu năm trên trái đất, nhưng vẫn phải chết kể cả Đế Thích Thiên Chủ.

15) Diêm Thiên 焰天, hay Diêm Ma Thiên 焰摩天, tiếng Phạn là Yamadevaloka . Cõi trời thứ 8 của 11 cõi trời của dục giới.

16-) Đâu thuật thiên兜術天, tiếng Phạn là Tusita, là cõi trời thứ 9 trong 11 cõi trời của dục giới.

17-) Ni Ma La Thiên尼摩羅天 tiếng Phạn là Nirmanarati, là cõi trời thứ 10 trong 11 cõi trời của dục giới.

18-) Ma Thiên魔天, hay Tha Hóa Tự Tại thiên他化自在天, tiếng Phạn là Mara-deva, , là cõi trời thứ 11 trong 11 cõi trời của dục giới.

19-) Phạn Thiên梵天 : Trong sắc giới chia làm bốn cõi gọi là tứ thiên thiên四禪天, tứ thiên thiên lại chia làm 18 cõi trời nhỏ. Cõi thấp nhất gọi là sơ thiên thiên初禪天. Sơ thiên thiên lại chia làm ba cõi nhỏ gọi là : Đại Phạn thiên大梵天, Phạn phụ thiên梵輔天, Phạn chúng thiên梵眾天. Ai sanh vào Đại Phạn thiên thì là vua, gọi là Phạn vương梵王, Đại Phạn thiên Vương là vua của tất cả các Phạn vương của cõi trời Sơ thiên thiên. Ai sanh vào Phạn Phụ thiên thì làm thần. Ai sanh vào Phạn Chúng Thiên thì làm dân.

20-) Nê hoàn đại đạo泥洹大道大道 : Nê hoàn và Niết Bàn là hai tiếng phiên âm khác nhau của một chữ Phạn Nirvana.

21-) Tam muội 三昧 : hay Tam ma địa三摩地, đây là tiếng phiên âm từ chữ Phạn Samadhi : Đây là năm bước thiền định trong đạo Phật : 1- chánh định 正定, 2-chánh thọ正受3-điều trực định調直定, 4- chánh tâm hành xứ正心行處, 5-tức lự nghi tâm息慮凝心.

22-) Đức Phật Đề Hòa Kiệt La 提和竭羅佛 : Đây là tiếng Hán phiên âm từ tiếng Phạn Dipamkara Buddha , dịch nghĩa là Nhiên Đăng Phật , vị Phật quá khứ thứ 24.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tấn Trần Tiền Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiền Huyền
Phiên Âm Wed Oct 1 16:00:20 2008

Taisho Tripitaka Vol. 3, No. 169 月明菩薩經
Taisho Tripitaka Vol. 3, No. 169 Nguyệt Minh Bồ-tát Kinh

佛說月明菩薩經一卷
Phật thuyết Nguyệt Minh Bồ-tát Kinh nhất quyển
Kinh Đức Phật nói về Nguyệt Minh Bồ tát - Một quyển

南吳月支國居士支謙譯
Nam Ngô Nguyệt-chi quốc Cư-sĩ Chi Khiêm dịch
Đời Nam Ngô , cư sĩ Chi Khiêm của Nước Nguyệt Chi dịch ra Hán Văn.

聞如是： 一時， 佛在羅閱祇耆闍崛山中，
Văn như thị : nhất thời , Phật tại La duyet kì Kì-xà-Quật sơn trung ,
Tôi nghe như vậy : Có một thời, Đức Phật ở thành La Duyệt Kì trên núi Kì-xà-quật (núi Linh Thứu -
Gr̥dhrakūṭa ở gần Rājagṛha)

與大比丘眾千二百五十人、菩薩萬人俱。 是時，
dữ Đại Tỳ-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân 、 Bồ-tát vạn nhân câu 。 Thị thời ,
cùng với một ngàn hai trăm năm mươi đại Tỳ kheo , một vạn Bồ-tát. Lúc đó

羅閱祇有大姓豪富家， 名申日。 申日有子，
La duyet kì hữu Đại tính hào phú gia , danh Thân Nhật 。 Thân Nhật hữu tử ,
ở thành La Duyệt Kì (Rājagṛha, thành Vương Xá) có một nhà đại phú hào, tên là Thân Nhật. Ông Thân Nhật có người con,

字梅羅法(漢言月明)， 有清潔之行， 佛譬童男， 故言月明。
tự Chiên La Pháp (hán ngôn Nguyệt Minh) , hữu thanh khiết chi hạnh , Phật thí đồng nam
, cố ngôn Nguyệt Minh 。
tên là Chiên La Pháp (Hán văn nghĩa là Nguyệt Minh) , có tính thích sạch sẽ, Đức Phật biết cậu bé
gọi là Nguyệt Minh này.

童男到佛所， 前為佛作禮， 却坐一面。

đồng nam áo Phật sở , tiền vi Phật tác lễ , khước tọa nhất diện 。
Cậu bé đến nơi Đức Phật cư ngụ, đến trước Đức Phật để chào ngài, sau đó đi qua một bên và ngồi xuống .

佛告月明童男：「菩薩摩訶薩，在家、若作比丘，
Phật cáo Nguyệt Minh đồng nam : 「Bồ-Tát Ma-ha-tát , tại gia 、nhược tác Tỳ-kheo ,
Đức Phật bảo Nguyệt Minh: Các Bồ-tát Ma-ha-tát, các người tại gia, các tỳ kheo

持法施、飯食施，常以善意迎逆一切人心，奉持食四願，
Trì Pháp thí 、 phạn thực thí , thường dĩ thiện ý nghênh nghịch nhất thiết nhân tâm , phụng trì
thực tứ nguyện ,
hãy giữ giới luật bố thí Phật pháp, giới luật bố thí thực phẩm, phải lấy lòng đầy thiện ý để đón tiếp tất
cả mọi người, phải giữ tứ thực nguyện ,

當發意求佛，疾逮得無上正真道。
đương phát ý cầu Phật , tât đăi đắc vô thượng chánh chân đạo 。
phải phát nguyện cầu Phật, để mau đắc vô thượng chánh đạo.

何等為四願？第一願者、願一切人疾逮善權方便；第
hà đăng vi tứ nguyện ? đệ nhất nguyện giả、nguyện nhất thiết nhân tât đăi thiện quyền
phương tiện ; đệ
Cái gì là bốn nguyện ? Nguyện thứ nhất, nguyện cho tất cả những người đau ốm gặp được những
phương tiện điều trị hay;

二願者、願世世與善知識共會；第三願者、
nhị nguyện giả、nguyện thế thế dĩ thiện tri thức cộng hội ; đệ tam nguyện giả、
Nguyện thứ hai, xin đời đời được gặp những người đầy trí tuệ; Nguyện thứ ba

願以財寶與一切人共；第四願者、願行二事
nguyện dĩ tài bảo dĩ nhất thiết nhân cộng ; đệ tứ nguyện giả、nguyện hạnh nhị sự
nguyện đem tài vật của mình chia sẻ với mọi người; Nguyện thứ tư , nguyện làm hai chuyện:

以法施及飯食，常樂得是行；是為四願。
dĩ pháp thí cập phạn thực , thường lạc đắc thị hạnh/hành/hàng ; thị vi tứ nguyện 。
làm pháp thí và ẩm thực thí, hãy luôn luôn đầy vui vẻ để làm những điều này; đó là bốn nguyện.

「復次，月明童男！菩薩大士，在家若出家，
「phục thứ , nguyệt minh đồng nam ! Bồ-tát đại-sĩ , tại gia nhược xuất gia ,
Lại nữa, cậu bé Nguyệt Minh, các Bồ tát đại sĩ, các người tại gia và xuất gia,

常樂經法施，常以善權迎逆人，意無貪心，
thường lạc Kinh pháp thí , thường dĩ thiện xảo nghênh nghịch nhân , ý vô tham tâm ,
phải luôn luôn bố thí kinh sách, luôn làm pháp thí, hãy lấy những gì tốt đẹp nhất để đón tiếp mọi
người, không một lòng tham.

正立法中住，奉守禁戒當如法。 「復有一事，
chánh lập pháp trung trú , phụng thủ cấm giới đương như pháp 。 「phục hữu nhất sự ,

Hãy giữ ngay ngẩn trong đạo pháp, nghiêm chỉnh giữ những giới luật. Lại còn một điều nữa,

月明童男！若比丘疾病窮厄、勤苦當憂，
nguyệt minh đồng nam ! nhược Tỳ-kheo tật bệnh cùng ách , cần khổ đương ưu ,
cậu bé Nguyệt Minh ! Nếu có những tỳ-kheo đau ốm, nghèo khó , đau khổ, lo âu,

令得安隱給與醫藥，何但醫藥，尚當不惜肌肉，
lệnh đắc an ổn cấp dữ y dược , hà đãn y dược , thượng đương bất tích cơ nhục ,
hãy an ủi họ, hãy cung cấp thuốc men cho họ, không phải chỉ là thuốc men mà thôi, mà còn cả thân thể
của mình nữa.

當供養之趣令得愈。 「復有一事，月明童子！菩薩大士，
đương cúng dường chi thú lệnh đắc dữ 。 「phục hữu nhất sự , Nguyệt Minh Đồng tử ! Bồ-tát
đại-sĩ ,
Hãy giúp đỡ cho đến khi họ lành bệnh. Lại còn một điều nữa, cậu bé Nguyệt Minh, các Bồ-tát đại-
sĩ ,

布施終不中疑。
bố thí chung bất trung nghi 。
bố thí xong đừng có sinh nghi ngờ.

何以故？過去阿僧祇劫復阿僧祇劫都不可計，無央數極廣遠。爾時，
hà dĩ cố ? quá khứ a-tăng-kì kiếp phục a-tăng-kì kiếp đô bất khả kể , vô ương số cực quảng viễn
。 nhĩ thời ,
Vì sao vậy ? Trong vô số không thể kể xiết kiếp trước, vô cùng tận xa xôi. Lúc đó

世有佛，名諦念願無上王如來。無所著。等正覺，
thế hữu Phật , danh Đế Niệm Nguyện Vô Thượng Vương Như Lai . vô sở trước . đẳng chánh
giác ,
có một vị Phật, tên là Đế Niệm Nguyện Vô Thượng Vương Như Lai , ngài vô sở trước, ngài có các
đẳng chánh giác ,

示現受身於世間，隨所樂具習行為上尊。
thị hiện thọ thân ư thế gian , tùy sở lạc cụ tập hạnh vi thượng tôn
。
đã xuống thế gian này, để trở thành đáng vô thượng tôn kính.

「復有一事，月明童男！爾時，
「phục hữu nhất sự , nguyệt minh đồng nam ! nhĩ thời ,
Lại còn nữa, cậu bé Nguyệt Minh ! Lúc đó,

諦念願無上王如來。至真。等正覺，其日現得等正覺相，
Đế Niệm Nguyện Vô Thượng Vương Như Lai . chí chân . đẳng chánh giác , kỳ nhật hiện
đắc đẳng chánh giác tướng ,
Đế Niệm Nguyện Vô Thượng Vương Như Lai , với chí chân , với các đẳng chánh giác ,
ngày đó ngài đã hiện các đẳng chánh giác tướng ,

便變化作無央數身形，隨所喜樂而開導之，

tiện biến hóa tác vô ương số thân hình , tùy sở thiện lạc nhi khai đạo chi ,
đã biến thành vô số thân hình, tùy theo sự thích hợp của mỗi người mà hiện ra để dẫn độ họ.

使無數人得須陀洹道、無數人得斯陀含道、無數人得阿
sử vô số nhân đắc Tu-đà-hoàn đạo 、 vô số nhân đắc Tư đà hàm đạo 、 vô số nhân đắc a
Nhờ vậy vô số người đã đắc Tu-đà-hoàn đạo (Srota-āpauna) , vô số người đã đắc Tu-đà-hàm đạo (sakṛdāgāmin) , vô số người đã đắc

那含道、無數人得阿羅漢道、無數人得辟支
na hàm đạo 、 vô số nhân đắc A-la-hán đạo 、 vô số nhân đắc Bích Chi
na hàm đạo (Anāgāmin) , vô số người đã đắc A-la-hán đạo (arhat) , vô số người đã đắc Bích Chi

佛道、無數人生四王天上、無數人生忉利天
Phật đạo 、 vô số nhân sanh tứ vương thiên thượng 、 vô số nhân sanh Đao Lợi Thiên
Phật đạo (pratyekabuddha) , vô số người đã được sanh vào cõi trời Tứ thiên Vương (catur-mahārāja-
kāyikās) , vô số người đã được sanh vào cõi trời Đao
上、無數人生鹽天上、無數人生兜術天
thượng 、 vô số nhân sanh diêm Thiên thượng 、 vô số nhân sanh đầu thuật thiên
Lợi Thiên (Trāyāstrīśa) , vô số người đã được sanh vào cõi trời Diêm Thiên (Yāmā) , vô số người đã
được sanh vào cõi trời

上、無數人生尼摩羅天上、無數人生魔天上、
thượng 、 vô số nhân sanh Ni Ma La Thiên thượng 、 vô số nhân sanh ma Thiên thượng 、
đầu thuật thiên (Deva) , vô số người đã được sanh vào cõi trời Ni Ma La Thiên (nirmānarati) , vô số
người đã được sanh vào cõi trời Ma Thiên (Māra) ,

無數人生梵天上、無數人受別發無上正真
vô số nhân sanh phạm Thiên thượng 、 vô số nhân thọ/thụ biệt phát vô thượng chánh chân
vô số người đã được sanh vào Phạm Thiên (Brahmadeva) , vô số người đã đắc vô thượng chánh chân

道意，人人皆當過泥洹大道去。 「爾時，
đạo ý , nhân nhân giai đương quá nê hoàn đại đạo khứ 。 「nhĩ thời ,
đạo ý . Tất cả mọi người đều được vào nê hoàn (Niết-Bàn) đại đạo . Lúc đó

諦念願無上王如來。無所著。等正覺，於是教授，
đế niệm nguyện vô thượng Vương Như Lai . vô sở trước . đẳng chánh giác , ư thị giáo thọ ,
Đế Niệm Nguyện Vô Thượng Vương Như Lai , ngài vô sở trước , ngài có đẳng chánh giác , đã chỉ
dạy chúng sinh,

現身一日，所度盡已，便般泥洹；般泥洹後，
hiện thân nhất nhật , sở độ tận dĩ , tiện bát nê hoàn ; bát nê hoàn hậu ,
chỉ một ngày hiện ra, đã độ hết mọi người, bèn nhập nê hoàn, sau khi nhập nê hoàn,

其法留止二十億千歲。其數欲盡最後五十歲中，
kỳ Pháp lưu chỉ nhị thập ức thiên tuế 。 kỳ số dục tận tối hậu ngũ thập tuế trung ,
Ngài để lại Phật pháp đến hai mươi ức ngàn năm về sau. khi chỉ còn năm mươi năm chót của những
năm đó,

比丘多不復信深經，多喜淺事，

Tỳ-kheo đa bất phục tín thâm Kinh , đa hỷ thiên sự ,
thì các tỳ kheo phần đông không còn tin nhiều vào những kinh điển, chỉ thích những sự hời hợt.

經法於是稍稍未盡。 「爾時，閻浮利國有王，名智力，

Kinh pháp ư thị sảo sảo vị tận 。 「nhĩ thời , Diêm Phù Lợi quốc hữu Vương , danh trí lực

,
kinh pháp cũng từ từ tàn lụi. Lúc đó, có vua của nước Diêm Phù Lợi (Jambudvīpa), tên là Trí Lực,

常修行佛三事。

thường tu hành Phật tam sự 。

thường tu trì tam sự của Phật .

何等三事？一者、常護佛深法；二者、受行佛深法；三者、諦信佛深法。 「爾時，

hà đẳng tam sự ? nhất giả、 thường hộ Phật thâm pháp ; nhị giả、 thọ/thụ hạnh/hành/hàng Phật

thâm pháp ; tam giả、 để tín Phật thâm pháp 。 「nhĩ thời ,

Tam sự là gì ? Thứ nhất, luôn bảo vệ Phật pháp uyên thâm, thứ nhì, luôn tu hành theo Phật pháp uyên
thâm, thứ ba, luôn thành tín vào Phật pháp uyên thâm. Lúc đó,

世有比丘字浮曇末(漢言至誠意), 常行三事。

thế hữu Tỳ-kheo tự Phù-đàm-mạt (hán ngôn Chí Thành Ý), thường hạnh tam sự

。

có một Tỳ-kheo tên là Phù Đàm Mạt (Hán văn có nghĩa là Chí Thành Ý), luôn luôn giữ ba điều
này.

何等為三事？一者、常持是三昧；二者、常護是三昧；三者、常

hà đẳng vi tam sự ? nhất giả、 thường trì thị tam muội ; nhị giả、 thường hộ thị tam muội

; tam giả、 thường

Ba điều gì? Thứ nhất, luôn tu trì tam muội (samādhi), thứ nhì, luôn bảo vệ tam muội , thứ ba, luôn

誦是三昧；加有八事：常行慈心、常行哀心、

tụng thị tam muội ; gia hữu bát sự : thường hạnh từ tâm 、 thường hạnh ai tâm 、

tụng niệm tam muội ; lại thêm tám việc : Luôn hành từ thiện tâm, luôn hành thương xót tâm,

常行悲心、常行護心、常行黠慧心、常行答

thường hạnh bi tâm 、 thường hạnh/hành/hàng hộ tâm 、 thường hạnh hiệt tuệ tâm 、 thường

hạnh đáp

luôn hành từ bi tâm, luôn hành bảo hộ tâm, luôn hành trí tuệ tâm, luôn hành vấn đáp

問心、常行喜踊心、常行第一心、

vấn tâm 、 thường hạnh hỷ dũng tâm 、 thường hạnh đệ nhất tâm ,

tâm, luôn hành hoan hỷ tâm, luôn hành đệ nhất tâm (hṛdaya).

以是便具降九十六種道，悉覽知一一深法不復疑。

đĩ thị tiện cụ hàng cửu thập lục chủng đạo , tất lãm tri nhất nhất thâm pháp bất phục nghi

。

Đó là đủ chín mươi sáu loại đạo, nên xem xét nhận biết từng pháp thâm sâu này để đừng sinh nghi .

「至誠意比丘與智力王有親理，為王所尊敬，

「chí thành ý Tỳ-kheo dữ trí lực Vương hữu thân lý , vì Vương sở tôn kính ,
Chí Thành Ý Tỳ-kheo và Vua Trí Lực có họ hàng với nhau, Vua rất trọng Chí Thành Ý Tỳ-kheo.

國人愛重亦爾。王欲見是比丘，

quốc nhân ái trọng diệc nhĩ 。 Vương dục kiến thị Tỳ-kheo ,

Quốc dân cũng rất kính mến Tỳ-kheo Chí Thành Ý . Vua luôn thích gặp Tỳ-kheo Chí Thành Ý ,

無有厭極；時聽是比丘說經法，無有厭足；時欲禮是比丘，

vô hữu yếm cực ; thời thính thị Tỳ-kheo thuyết Kinh Pháp , vô hữu yếm túc ; thời dục lễ
thị Tỳ-kheo ,

không bao giờ chán ngán; Vua thường thích nghe Tỳ-kheo thuyết pháp, không bao giờ chán ngán;
vua rất trọng đãi Tỳ-kheo,

無有厭足。 「時，是比丘髀上生大惡瘡，

vô hữu yếm túc 。 「thời , thị Tỳ-kheo bễ thượng sanh Đại ác sang ,

không bao giờ cảm thấy là đủ . Lúc đó, Tỳ-kheo có một bứ độc ở đùi,

國中醫藥所不能愈，王愁大悲，即為淚出。時，

quốc trung y dược sở bất năng dĩ , Vương sầu đại bi , tức vi lệ xuất 。 thời ,

trong nước không có thuốc men gì chữa được, . Vua rất là buồn rầu, vì vậy mà khóc . Lúc đó

二萬夫人俱亦皆同時悲念是比丘。於時王臥，

Nhị Vạn phu nhân câu diệc giai đồng thời bi niệm thị Tỳ-kheo 。 ư thời Vương ngọa ,

Nhị Vạn phu nhân cũng lo buồn về bệnh tình của Tỳ-kheo. Vua trong một giấc ngủ

出夢中有天人來語王言：『若欲愈是至誠意比丘

xuất mộng trung hữu Thiên nhân lai ngữ Vương ngôn : 『nhược dục dĩ thị Chí Thành Ý Tỳ-
kheo

nằm mơ thấy có một thiên nhân đến nói với vua rằng : " Muốn chữa khỏi bệnh của Chí Thành Ý Tỳ-
kheo,

病者，當得生人肉血飲食之，即愈矣。』王寤，

bệnh giả , đương đắc sanh nhân nhục huyết ẩm thực chi , tức dĩ hĩ 。 』 Vương ngộ ,

người bệnh phải ăn thịt của một người còn sống, thì sẽ khỏi bệnh. " Vua tỉnh dậy .

驚悸不樂，念：『是比丘病重，乃須彼藥。法所難得。

kinh quý bất lạc , niệm : 『thị Tỳ-kheo bệnh trọng , nãi tu bì dược 。 Pháp sở nan đắc 。
sợ và không vui . Vua nghĩ : Nay Tỳ-Kheo bệnh nặng, cần thứ thuốc này. thật khó tìm được .

』勅問臣下：『何從得生人血肉？』 「時，王第一太子，

』 sắc vấn thần hạ : 『hà tùng đắc sanh nhân huyết nhục ?』 「thời , Vương đệ nhất

Thái-Tử ,

Vua vẫn kể các hạ thần : " Ở đâu tìm được thịt của người sống ? " Lúc đó , người con trưởng của vua,

字若羅衛(漢言智止)。智止白王：『王莫悲、莫愁、莫憂，
tự Nhã La Vệ (hán ngôn Trí Chi)。Trí Chi bạch Vương : 『Vương mạc bi 、mạc sầu
、mạc ưu ，
hoàng thái tử tên là Nhã La Vệ (Hán văn nghĩa là Trí Chi)。Trí Chi thưa với vua rằng : " xin
Vua đừng bi thương, đừng sầu muộn, đừng lo âu,

人之血肉，最為賤微，世人所重，道無所違。
nhân chi huyết nhục , tối vi tiện vi , thể nhân sở trọng , đạo vô sở vi 。
thịt người không có gì là đáng quý , ở đời này , đáng quý là làm phải đạo. "

』王答太子：『善哉，善哉！』太子默然，還入齋室，
』 Vương đáp Thái-Tử : 『Thiện tai , Thiện tai ! 』 Thái-Tử mặc nhiên , hoàn nhập trai thất ,
Vua trả lời Thái tử rằng " Hay thay ! Hay thay! " Thái tử lặng lẽ đi về phòng của mình,

持刀割脾，取肉及血，持送與比丘。比丘得服之，
trì đao cắt bễ , thủ nhục cập huyết , trì tống dữ Tỳ-kheo 。 Tỳ-kheo đắc phục chi ,
lấy dao xẻo thịt đùi, lấy thịt và máu đưa biếu Tỳ-kheo . Tỳ-kheo phục dùng ,

瘡即除愈，身得安隱。 「王聞比丘已得除愈，
sang tức trừ dữ , thân đắc an ổn 。 「Vương văn Tỳ-kheo dĩ đắc trừ dữ ,
bứu tức thì khỏi ngay, thân thể được an khang . Vua được biết bệnh của Tỳ Kheo đã lành,

大歡喜悅懌不能自勝，意存比丘，不復念太子痛，
Đại hoan hỷ duyệt dịch bất năng tự thắng , ý tồn Tỳ-kheo , bất phục niệm Thái-Tử thống ,
vo cùng hoan hỷ,
vui mừng vô cùng, vì biết Tỳ-kheo đã thoát cơn bệnh trầm kha, mà quên cả cái đau của Thái tử,

持是歡喜，各有至心；太子亦自平復，
trì thị hoan hỷ , các hữu chí tâm ; Thái-tử diệt tự bình phục ,
tất cả hoan hỷ từ đáy lòng của mỗi người; Thái tử cũng từ từ bình phục.

便舉國財寶賜與太子。
tiện cử quốc tài bảo tứ dữ Thái-tử 。
Vua bèn lấy nhiều tài bảo của quốc gia ban tặng cho Thái tử.

太子以偈答王曰：「『與血肉安隱施， 割血肉施與人，
Thái-Tử dĩ kệ đáp Vương viết : 「『dữ huyết nhục an ổn thí , cát huyết nhục thí dữ
nhân ,
Thái tử bèn lấy một câu kệ để đáp lại vua rằng : " Lấy thịt và máu của mình để an ủi, bố thí cho người
khác, cắt thịt mình để bố thí cho kẻ khác,

即得愈無復恐， 是供養佛所譽。
tức đắc dĩ vô phục khủng , thị cúng dường Phật sở dự 。
để cho họ được lành bệnh, để cho họ khỏi lo sợ, đó cũng là một cách để cúng dường và tôn vinh chư
Phật.

德中德最安隱， 未來當作佛者，
đức trung đức tối an ổn , vị lai đương tác Phật giả ,
đó là cái đức của tất cả cái đức, trong tương lai sẽ được thành Phật đạo,

斷貪婬去瞋恚， 一切人皆除愈。
đoạn tham dâm khú sân khuê , nhất thiết nhân giai trừ dữ 。
Hãy đoạn tuyệt với tham lam, dâm dục và sân si, tất cả hãy bỏ những thói xấu này đi."

』』 佛告月明童男：「爾時，至誠意比丘者，
』』 Phật cáo nguyệt minh đồng nam：「nhĩ thời，chí thành ý Tỳ-kheo giả，
Đức Phật bảo cậu bé Nguyệt Minh：" Ngày đó，Chí Thành Ý Tỳ Kheo

提和竭羅佛是；爾時，智力王者，今彌勒菩薩是；時，
Đề Hòa Kiệt La Phật thị；nhĩ thời，trí lực Vương giả，kim Di Lạc Bồ-tát thị；thời，
nay là Đức Phật Đề Hòa Kiệt La (Dīpaṃkara Buddha, Nhiên Đăng Phật)；Ngày đó，Vua Trí Lực，
nay là Di Lạc Bồ-tát (Maitreya Bodhisattva)；Ngày đó

智止太子，我身是。
trí chỉ Thái-tử，ngã thân thị。
Trí Chỉ Thái-tử，nay chính là ta.

如來。無所著。等正覺饒益於世間不可計量，積累功德欲度一切故，
Nhu Lai . vô sở trước . đẳng chánh giác nhiều ích lợi thế gian bất khả kể lượng , tích lũy công đức
dục độ nhất thiết cố ,
Nhu Lai, ngài vô sở trước , ngài có vô số đẳng chánh giác để giúp ích thế gian này, ngài tích lũy
những công đức để độ tất cả chúng sinh,

菩薩大士行皆如是。
Bồ-tát đại-sĩ hạnh giai như thị。
các Bồ-tát đại-sĩ cũng như vậy.

若善男子、善女人欲求度世苦者，當發無上正真道意，誦習是三昧。
nhược Thiện nam tử、thiện nữ nhân dục cầu độ thế khổ giả，đương phát vô thượng chánh chân
đạo ý， tụng tập thị tam muội。
Nếu những thiện nam, thiện nữ nếu muốn độ những kẻ đau khổ của thế gian này, hãy phát vô thượng
chánh chân đạo nguyện, niệm và học tập các tam muội này.

』 佛說經已，莫不歡喜，作禮而去。
』 Phật thuyết Kinh dĩ，mạc bất hoan hỷ，tác lễ nhi khứ。
Sau khi Đức Phật giảng hết kinh này, tất cả đều hoan hỷ, đánh lễ ngài và ra về.

佛說月明菩薩經
Phật thuyết Nguyệt minh Bồ-tát Kinh
Đức Phật giảng về Kinh Nguyệt Minh Bồ Tát.

B. S. Trần Văn Nghĩa thành kính dịch nghĩa
Monday April 18, 2011.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền
Phiên Âm Wed Oct 1 16:00:25 2008

=====